

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Luật Bảo hiểm Y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Xét Tờ trình số 290/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn có đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gồm:

a) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Trẻ em thuộc hộ được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2025, gồm:

a) Trẻ em thuộc hộ được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Trẻ em thuộc hộ được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, gồm:

a) Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Trẻ em khuyết tật là thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã xác định mức khuyết tật nhẹ.

4. Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng;

b) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án;

c) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế);

d) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng;

đ) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại biệt tích từ 24 tháng trở lên nhưng chưa có quyết định công nhận mất tích của Tòa án;

e) Trẻ em có cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại bị mắc bệnh cần chữa trị dài ngày (danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định hiện hành của Bộ Y tế);

g) Trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng.

5. Trẻ em bị xâm hại tình dục dẫn đến sinh con và đang nuôi con; trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục.

6. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS.

7. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ hằng tháng

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm hằng tháng (ngoài mức trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định hiện hành) để bảo đảm tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách bằng với mức chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ hằng tháng bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều do Chính phủ quy định.

c) Đối tượng quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ hằng tháng bằng 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định.

2. Hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế

Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này từ đủ 06 tuổi đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế hằng năm.

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

Trường hợp đối tượng hưởng nhiều chính sách hỗ trợ với mức khác nhau theo quy định tại Nghị quyết này hoặc Nghị quyết quy định chính sách đặc thù khác của thành phố thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Trẻ em có đăng ký thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Trẻ em quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này không bao gồm trẻ em được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và trẻ em đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng.

c) Trẻ em sinh ra từ trẻ em bị xâm hại tình dục quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ đến khi mẹ đủ 18 tuổi.

3. Đối tượng trẻ em được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ hằng tháng và hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế trong thời gian 36 tháng kể từ thời điểm được công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030 và thay thế Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định một số chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025-2030.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: YT, KH-CN, TC, TP;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND khóa XVI;
- VP: TU, ĐĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP, Công TTĐTTP;
- Lưu: HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu